TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 57/2023/HNGĐ-ST
Ngày 13 - 12 - 2023
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải Âu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Duy Chấn
2. Ông Nguyễn Tiến Tịnh

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thu Hương – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà: Bà Lê Thu Thuỷ– C/v: Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 181/2023/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 10 năm 2023 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lăng Thị H – Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 09, xã N, huyện M, tỉnh Đắk Nông.

Bị đơn: Ông Trần Văn T - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 05, xã N, huyện M, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 20/9/2023 và các văn bản trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Lăng Thị H trình bày: Bà và ông

Trần Văn T chung sống với nhau tháng 10/1997, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, bà và ông T sống với nhau hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân của việc mâu thuẫn là không còn hợp nhau, không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi nhau, vợ chồng không tin tưởng nhau, không yêu thương nhau. Do mâu thuẫn trầm trọng, bà không còn tình cảm vợ chồng với ông T nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông T là vợ chồng.

Về con chung: Giữa bà và ông T có 02 con chung, là cháu Trần Thị Y, sinh năm 1998, cháu Trần Văn A, sinh năm 2000. Hiện nay các cháu đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Văn T trình bày: Ông và bà Lăng Thị H sống chung từ năm 1997 nhưng không đăng ký kết hôn. Ông và bà H sống chung với nhau trên tinh thần tự nguyện, không bị ai ép buộc. Về con chung giống như bà H trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa ông và bà H là không hợp nhau. Ông và bà H đã sống ly thân với nhau từ lâu. Trước yêu cầu khởi kiện của bà H, ông Trần Văn T đồng ý đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Các cháu Trần Thị Y và Trần Văn A đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn giữ nguyên quan điểm của mình. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và về nội dung vụ án phát biểu như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và việc thụ lý giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Các bên đương sự chấp hành đúng theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Do không có đăng ký kết hôn nên đề nghị HĐXX không công nhận bà Lăng Thị H và ông Trần Văn T là vợ chồng.

Về con chung: Do con chung là cháu Trần Thị Y, cháu Trần Văn A đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

Các tài liệu chứng cứ bao gồm: Căn cước công dân của bà Lăng Thị H; ông Trần Văn T; giấy khai sinh của cháu Y, cháu A (Bản photo chứng thực). Đây là các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Nguyên đơn bà Lăng Thị H khởi kiện ông Trần Văn T về việc "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của BLTTDS. Bị đơn có nơi cư trú tại Thôn 07, xã N, huyện M, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện Đắk Mil theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lăng Thị H và ông Trần Văn T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1997 nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: "*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này" và* theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì *'Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 Luật này".*

Trong quá trình chung sống từ năm 1997 đến nay, bà Lăng Thị H và ông Trần Văn T không đi đăng ký kết hôn tại Cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Việc bà H và ông T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1997 đến nay mà không có đăng ký kết hôn với nhau thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ vợ chồng nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do đó, HĐXX có căn cứ tuyên bố không công nhận bà Lăng Thị H và ông Trần Văn T là vợ chồng.

[3] Về con chung: Do cháu Trần Thị Y, sinh năm 1998; cháu Trần Văn A, sinh năm 2000, đã trên 18 tuổi nên HĐXX không giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[5] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và phát biểu quan điểm về nội dung vụ án có cơ sở và căn cứ nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 143; Điều 147; Điều 246; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lăng Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Lăng Thị H và ông Trần Văn T là vợ chồng.

Về án phí: Bà Lăng Thị H phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng),* được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm mà bà H đã nộp theo biên lai số 0001616 ngày 09/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Đắk Nông.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- STP tỉnh Đắk Nông;
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- Chi cục THA huyện Đắk Mil;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)
Nguyễn Thị Hải Âu